**CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ TRONG KHU CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH**

**I. QUY ĐỊNH CHUNG:**

**\* Địa bàn ưu đãi đầu tư bao gồm:**

- Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (KKT Định An);

-Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (KCN Cầu Quan, KCN Cổ Chiên, KCN Long Đức).

*(Quy định tại Phụ lục III, Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày262/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư).*

**II. ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ:**

**1. Miễn, giảm tiền thuê đất:**

**\* Đối với Khu kinh tế Định An:**

*(Theo quy định tại Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao)*

Khu kinh tế Định An bao gồm địa bàn hai huyện Duyên Hải và huyện Trà Cú, thị xã Duyên Hải, trong đó: Huyện Trà Cú thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, Huyện Duyên Hải và thị xã Duyên Hải thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn. Tùy thuộc vào lĩnh vực và địa bàn đầu tư, nhà đầu tư sẽ được hưởng những ưu đãi đầu tư về đất đai như sau:

- Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Miễn tiền thuê đất sau thời gian miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản (trừ trường hợp nhà đầu tư được nhà nước cho thuê đất để đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu chức năng trong khu kinh tế):

+ 13 năm đối với dự án không thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư vào Khu kinh tế nằm trên địa bàn cấp huyện thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn (huyện Duyên Hải, thị xã Duyên Hải)

+ 15 năm đối với dự án không thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư vào khu kinh tế nằm trên địa bàn cấp huyện thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (huyện Trà Cú).

+ 17 năm đối với dự án thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư vào Khu kinh tế nằm trên địa bàn cấp huyện thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn (huyện Duyên Hải, thị xã Duyên Hải).

+ 19 năm đối với dự án thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư vào khu kinh tế nằm trên địa bàn cấp huyện thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (huyện Trà Cú).

- Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước cho toàn bộ thời gian thuê (trừ trường hợp nhà đầu tư được nhà nước cho thuê đất để đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu chức năng trong khu kinh tế):

+ Dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư.

+ Dự án đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân, người lao động trong khu kinh tế.

- Nhà đầu tư được nhà nước cho thuê đất để đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu chức năng trong khu kinh tế được miễn tiền thuê đất sau thời gian được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản:

+ 15 năm nếu đầu tư tại địa bàn cấp huyện thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn (huyện Duyên Hải, thị xã Duyên Hải)

+ Toàn bộ thời gian thuê nếu đầu tư tại địa bàn cấp huyện thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (huyện Trà Cú).

**\* Đối với KCN Cầu Quan, Cổ Chiên:**

*(Theo quy định tại**Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước).*

-Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước cho cả thời hạn thuê đối với đất xây dựng kết cấu hạ tầng sử dụng chung trong KCN theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật Đất đai *(điểm k, khoản 1, Điều 19 Nghị định 46/2014/NĐ-CP).*

- Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất, thuê mặt nước *(khoản 2, Điều 19 Nghị định 46/2014/NĐ-CP).*

- Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước sau thời gian được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước của thời gian xây dựng cơ bản đối với các dự án đầu tư vào KCN:

+ Bảy năm (07) năm đối với dự án đầu tư tại địa bàn KCN *(điểm b, khoản 3, Điều 19 Nghị định 46/2014/NĐ-CP);*

+ Mười một (11) năm đối với dự án thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư vào địa bàn KCN *(điểm c, khoản 3, Điều 19 Nghị định 46/2014/NĐ-CP);*

+ Mười lăm (15) năm đối với dự án thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn KCN *(điểm d, khoản 3, Điều 19 Nghị định 46/2014/NĐ-CP).*

\* Nhà đầu tư được Nhà nước cho thuế đất để đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp được miễn tiền thuê đất sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản, cụ thể:

+ 15 năm nếu đầu tư tại địa bàn cấp huyện thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn (huyện Càng Long, huyện Tiểu Cần, huyện Cầu Kè) (*khoản 6 Điều 3 Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 9/9/2016*).

**2. Đối với Thuế thu nhập DN:**

**a) Khu công nghiệp Long Đức, Cầu Quan, Cổ Chiên:**

-Thuế suất 17% trong thời gian 10 năm đối với thu nhập của doanh nghiệp từ dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (huyện Càng Long, huyện Tiểu Cần, huyện Cầu Kè, thành phố Trà Vinh).

*(Điểm a Khoản 3 Điều 15 Nghị định 218/2013/NĐ-CP)*

- Miễn thuế 02 năm, giảm 50% số thuế phải nộp cho 04 năm tiếp theo đối với thu nhập của doanh nghiệp từ dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

(*Khoản 6 Điều 1 Nghị định 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014)*

**b) Khu kinh tế Định An:**

***- Đối với dự án đầu tư mới:***

**+ Thuế suất:** Thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn khu kinh tế *(áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 15 Nghị định 218/2013/NĐ-CP).*

**+ Miễn thuế, giảm thuế:** Miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn khu kinh tế *(áp dụng Khoản 16 Điều 1 Nghị định 12/2015/NĐ-CP).*

***- Đối với dự án đầu tư mở rộng:***

**+ Miễn thuế, giảm thuế:** Miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mở rộng tại địa bàn khu kinh tế *(áp dụng Khoản 5 Điều 16 Nghị định 218/2013/NĐ-CP).*

Dự án đầu tư mở rộng phải đáp ứng một trong các tiêu chí quy định tại Khoản 5 Điều 16 Nghị định 218/2013/NĐ-CP:

* Nguyên giá tài sản cố định tăng thêm khi dự án hoàn thành đi vào hoạt động đạt tối thiểu từ 20 tỷ đồng đối với dự án đầu tư mở rộng thuộc lĩnh vực hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định của Nghị định này hoặc từ 10 tỷ đồng đối với các dự án đầu tư mở rộng thực hiện tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về thuế TNDN;
* Tỷ trọng nguyên giá tài sản cố định tăng thêm đạt tối thiểu từ 20% so với tổng nguyên giá tài sản cố định trươc khi đầu tư;
* Công suất tăng thêm tối thiểu từ 20% so với công suất thiết kế trước khi đầu tư.

**3. Đối với Thuế xuất khẩu - thuế nhập khẩu:**

Nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của dự án đầu tư được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm kể từ khi bắt đầu sản xuất theo quy định tại khoản 13 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. *(Khoản 8, Điều1 Nghị định 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021).*

**III. HỖ TRỢ ĐẦU TƯ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 11/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 , NGHỊ QUYẾT SỐ 52/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017, NGHỊ QUYẾT SỐ 80/2019/NQ-HĐND ngày 12/4/2019.**

**\* Đối với dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng:**

**1. Hỗ trợ tiền bồi thường giải phóng mặt bằng:**

Ngân sách tỉnh hỗ trợ 10% chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư hoặc chi phí đầu tư xây dựng các hạng mục công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật cho nhà đầu tư đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng các khu chức năng trong khu kinh tế, khu công nghiệp *(Khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016).*

**2. Hỗ trợ kinh phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật:**

Đối với nhà đầu tư, đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng trong KKT, KCN được ngân sách tỉnh đầu tư xây dựng đường giao thông (bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng), điện trung thế , cấp nước từ điểm đầu nối đến chân hàng rào của dự án (*Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 80/2019/NQ-HĐND ngày 12/4/2019*).

\* Trường hợp nhà đầu tư ứng trước kinh phí để đầu tư xây dựng xây dựng đường giao thông (bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng), điện trung thế , cấp nước từ điểm đầu nối đến chân hàng rào của dự án được ngân sách tỉnh hoàn trả trong 03 năm sau khi công trình nghiệm thu đưa vào sử dụng và hỗ trợ 100% lãi suất ngân hàng theo hợp đồng vay vốn với ngân hàng thương mại trong nước. Trường hợp ứng trước kinh phí bằng vốn của doanh nghiệp hoặc vay vốn của ngân hàng nước ngoài thì lãi suất hỗ trợ tính theo lãi suất Ngân hàng Đầu tư và phát triển Chi nhánh Trà Vinh trong thời hạn nêu trên.

*(Khoản 4, Điều 9 Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016)*

**\* Đối với các dự án khác:**

**3. Hỗ trợ tư vấn cho tạo lập, đăng ký và bảo hộ tài sản sở hữu trí tuệ; hỗ trợ; hỗ trợ áp dụng các công cụ cải tiến năng suất, chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp.**

*(Khoản 6 Điều 1, Nghị quyết số 80/2019/NQ-HĐND ngày 12/4/2019)*

**4. Hỗ trợ tuyển dụng và đào tạo lao động:**

a) Hỗ trợ tuyển dụng lao động:

Doanh nghiệp thực hiện tuyển dụng lao động được hỗ trợ 50% chi phí thông tin, thông báo tuyển dụng lao động trên Đài phát thanh và Truyền hình Trà Vinh, Báo Trà Vinh, đài truyền thanh huyện, thành phố. Mức hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/dự án.

*(Điều 14, Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016)*

b) Hỗ trợ đào tạo lao động:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức hỗ trợ** | **Thời gian đào tạo** | **Mức hỗ trợ**  *(đồng/người)* |
| ***I*** | ***Đối với dự án đầu tư mới sử dụng thường xuyên từ 100 đến dưới 5.000 lao động mức hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng/dự án*** | | |
| 1 | Đào tạo nghề cho lao động địa phương tại các cơ sở dạy nghề của tỉnh, tổng kinh phí hỗ trợ không quá 300.000.000 đồng/dự án | 03 tháng trở lên | 1.000.000 |
| Dưới 03 tháng | 500.000 |
| 2 | Đào tạo tại doanh nghiệp hoặc đào tạo tại chỗ, tổng kinh phí hỗ trợ không quá 150.000.000 đồng/dự án | 03 tháng trở lên | 500.000 |
| Dưới 03 tháng | 250.000 |
| ***II*** | ***Đối với dự án sử dụng thường xuyên trên 5.000 lao động mức hỗ trợ***  ***từ 250 - 500 triệu đồng/dự án*** | | |
| 1 | Đào tạo nghề cho lao động địa phương tại các cơ sở dạy nghề của tỉnh, tổng kinh phí hỗ trợ không quá 500.000.000 đồng/dự án | 03 tháng trở lên | 1.000.000 |
| Dưới 03 tháng | 500.000 |
| 2 | Đào tạo tại doanh nghiệp hoặc đào tạo tại chỗ, tổng kinh phí hỗ trợ không quá 250.000.000 đồng/dự án | 03 tháng trở lên | 500.000 |
| Dưới 03 tháng | 250.000 |